

Hằng số lò xo của chân lắp giác hút

Số.	MODEL	Hằng số lò xo (N/mm)	Lực lò xo nén (N)
1	VFILB-M/VFILB-M-P8	0.29	2.62
2	VFILB2-SSH/VFILB2-SSH-P12/VFILB2-SH/VFILB2-SH-P12/ VFILB2-SH1/8/VFILB2-SH1/8-P12	0.65	7.76
3	VFILB2-SSH-20/VFILB2-SSH-20-P12/VFILB2-SH-20/ VFILB2-SH-20-P12/VFILB2-SH1/8-20/VFILB2-SH1/8-20-P12	0.50	12.10
4	VFIL-H	0.80	16.87
5	VFIL1-SS-5/VFIL2-SS-5-P8/VFIL2-SS-5-P12	0.50	3.99
6	VFIL1-SS-10/VFIL2-SS-10-P8/VFIL2-SS-10-P12	0.25	3.99
7	VFIL1-SS-20/VFIL2-SS-20-P8/VFIL2-SS-20-P12	0.17	4.16
8	VFIL1-SS-30/VFIL2-SS-30-P8/VFIL2-SS-30-P12	0.12	4.49
9	VFIL-S-5A/VFIL1-S-5-P12/VFIL1-S-5-P20	0.27	2.46
10	VFIL-S-10A/VFIL1-S-10-P12/VFIL1-S-10-P20	0.16	2.63
11	VFIL-S-20A/VFIL1-S-20-P12/VFIL1-S-20-P20	0.11	2.81
12	VFIL-S-30A/VFIL1-S-30-P12/VFIL1-S-30-P20	0.08	2.91
13	VFI-L-20-M17/VFI-L-20-P20	1.11	28.96
14	VFI-L-50-M17/VFI-L-50-P20	0.67	37.43
15	VFI-L-100-M22	0.19	19.81

Hằng số lò xo và lực nén của lò xo là các giá trị tham chiếu.
Tương tự như vậy với chân giác hút bằng nhựa.